

Bản án: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1983, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Cùng ấp 1, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/02/2020 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng, sống với nhau năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 18 tháng 3 năm 2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc. Tình nghĩa vợ chồng rạn nứt khó hàn gắn. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà và ông T ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có 03 con chung Nguyễn Thị Ý N1, sinh năm 2004, Nguyễn Thị Yến N2, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2010, hiện các con đang sống với bà. Nếu như ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung bà trình bày, tài sản chung giữa bà và ông T có tài sản chung nhưng để bà và ông T tự thỏa thuận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T xác nhận lời trình bày của bà P về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, tài sản chung, nợ chung cũng như con chung là đúng, nhưng về mâu thuẫn vợ chồng ông T cho rằng ông và bà P không có mâu thuẫn, chỉ vì hiểu lầm nhau, nay bà P yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn. Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Nguyễn Thị P yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, về thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T cưới nhau vào năm 2002 nhưng cho đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/3/2004 (số 016/HT.2004) nên quan hệ hôn nhân của bà P và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của bà P: Bà P và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà P vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông T. Đối với ông T, ông xin được đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng việc yêu cầu của ông không được bà P chấp nhận. xét thấy, về mâu thuẫn tình cảm giữa bà P và ông T là có cho nên giữa bà P và ông T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại thời điểm này giữa bà P và ông T vẫn còn ly thân. Điều này, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Thanh T.

[2.3]. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đối với con chung, sau khi ly hôn bà P và ông T cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung về cấp dưỡng không bên nào đặc ra cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi bà P và ông T ly thân bà P là người trực tiếp nuôi các con chung vẫn khỏe mạnh và đảm bảo tốt việc học hành cho các con. Mặt khác, các con của bà P và ông T là con gái nên cần phải có sự chăm sóc và giúp đỡ của người mẹ trong thời gian phát triển của các con, hơn nữa theo nguyện vọng của các con của bà P và ông T được sống với mẹ nên để các con của bà P và ông T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với ông T, không trực tiếp nuôi con nhưng ông phải có trách nhiệm đối với các con chung và được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung bà P không yêu cầu nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung cũng như nợ chung: Bà P và ông T thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét phân tài sản chung và nợ chung của bà P và ông T.

Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung cũng như yêu cầu phân cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ý N1, sinh ngày 30/4/2004, Nguyễn Thị Yến N2, sinh ngày 04/4/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 01/7/2010. Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Nguyễn Thị P không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004813 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, để thi hành.

3. Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã M, Chợ Mới, An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài